

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12/2021
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2021/QĐ-ST ngày 18/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tờ tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Một năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung. Từ khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị L thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột mà không thông báo

cho chồng biết nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên anh L yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn L xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

+ Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng Q sinh ngày 05/3/2006 hiện đang sống với anh L. Sau ly hôn anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị L: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị L nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay chị L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, thị trấn O, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh L trình bày rằng từ khi vợ chồng sống ly thân chị L có về thăm con được hai lần và cũng không phụ tiếp anh nuôi con. Do không còn tình cảm và không muốn hàn gắn lại nên anh L xin được ly hôn với chị L. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy

định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy, mặc dù anh L và chị L đã chung sống với nhau một thời gian dài và có con chung nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng nên việc anh L yêu cầu ly hôn với chị L là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L.

[2.2] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ anh L cung cấp thì anh L và chị L có với nhau một con chung tên Nguyễn Trọng Q sinh ngày 05/3/2006 hiện đang sống với anh L. Tại “Tờ trình bày” gửi cho Tòa án, nguyện vọng của cháu Q là được sống cùng cha (anh L) sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Trọng Q cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận.

[3] Về án phí: anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Trọng Q sinh ngày 05/3/2006 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L phải tạo điều kiện cho chị L được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008503 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm